

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/DS-PT

Ngày: 13 - 4 - 2021.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Kim Khánh.

2. Ông Y Phi KBuôr.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2021/TLPT-DS ngày 02/3/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DSST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐ-PT ngày 03/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐ-PT ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Tiến C, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1980; địa chỉ: Số X Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Đều có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: Số Z đường V, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1962; địa chỉ: Đường V, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim CH, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Tân Lập O, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

3.2. Anh Nguyễn Phước D, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Tân Lập A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Phạm Tiến C và bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:* Vào tháng 5/2013, bà N có đến vay tiền và mua nợ phân bón của vợ chồng ông bà với tổng số tiền 28.300.000 đồng (do bà N vay và mua phân nhiều lần nên vợ chồng ông bà cộng tổng lại thành số tiền trên). Mỗi lần vay tiền và mua phân thì giữa hai bên không lập giấy tờ gì vì do tin tưởng lẫn nhau. Khi vay tiền và mua nợ phân bón vợ chồng ông bà có thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng, nợ phân bón 2.5%/tháng, hạn cuối năm sẽ thanh toán. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông bà số tiền nợ gốc là 28.300.000 đồng và số lãi phát sinh tạm tính đến tháng 6/2020 là 23.772.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 01/7/2020 cho đến khi bà N trả hết toàn bộ số nợ cho vợ chồng ông bà.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Vào năm 2013, giữa bà và vợ chồng ông Phạm Tiến C, bà Nguyễn Thị Kim Y có việc mua phân bón, cà phê và vay tiền. Bà có vay tiền và nợ phân bón của bà Y nhiều lần, có khi vay 100.000đ, 200.000đ ... có khi vay 05 bao phân, cụ thể từng ngày thì bà không nhớ, nhưng tính đến tháng 5/2013 quy tổng ra thành tiền là 27.000.000 đồng, lãi suất tiền vay là 3%/tháng, phân bón 2.5%/tháng. Đến cuối năm 2013, đầu năm 2014 bà đã trả được hai lần, lần thứ nhất bà trả trực tiếp cho người nhận là ông Phạm Tiến C tại đại lý ông C bà Y số tiền 20.000.000 đồng và có người làm chứng là bà Nguyễn Thị Kim CH chứng kiến, lần thứ hai là anh Nguyễn Phước D đến nhà bà để lấy giúp vợ chồng ông C bà Y số tiền 4.500.000 đồng và hiện tại bà chỉ còn nợ vợ chồng ông C bà Y số tiền 2.500.000 đồng tiền gốc cùng lãi suất. Khi vay và khi trả nợ thì hai bên không lập giấy tờ gì. Nay vợ chồng ông C bà Y khởi kiện yêu cầu bà trả nợ số tiền 28.300.000 đồng và tiền lãi là 23.772.000 đồng thì bà không đồng ý.

** Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim CH trình bày:* Vào khoảng đầu năm 2014 bà có đi đám cưới cùng bà N thì khi đi đám cưới bà N có nói với bà là có mang tiền phân cho vợ chồng ông C bà Y. Khi đi ngang qua nhà C Y, bà có chở bà N vào nhà C Y để bà N trả tiền. Bà được chứng kiến bà N trực tiếp trả tiền cho ông C số tiền 20.000.000 đồng. Bà Y lúc đó đang bận đóng hàng nên không lấy sổ sách ra đối chiếu được và bà N cũng đang vội đi đám cưới nên nghĩ chắc chỗ họ hàng nên không sao, sau đó bà với bà N đi dự đám cưới luôn.

** Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng anh Nguyễn Phước D trình bày:* Từ trước đến nay anh không nhận của bà N bất cứ khoản tiền nào như lời trình bày của bà N. Trước đây anh có chơi với con trai của bà N tên là Nguyễn Phước H nên có đến nhà bà N chơi vài lần vào khoảng năm 2016. Bản thân anh chưa bao giờ được vợ chồng ông C bà Y giao hay nhờ anh đi lấy nợ tiền của bất kì ai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự.
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Tiến C và bà Nguyễn Thị Kim Y.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Tiến C và bà Nguyễn Thị Kim Y tổng số tiền 51.300.000 đồng, trong đó nợ gốc là 27.000.000 đồng, nợ lãi là 24.300.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Tiến C và bà Nguyễn Thị Kim Y về việc buộc bà Nguyễn Thị N phải trả số nợ gốc là 1.300.000 đồng.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ, do đó Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Phạm Tiến C, bà Nguyễn Thị Kim Y cho rằng vào đầu năm 2013 vợ chồng ông bà cho bà Nguyễn Thị N vay tiền và nợ phân bón quy ra thành tiền chốt đến tháng 5/2013 với tổng số tiền 28.300.000 đồng, lãi suất tiền vay là 3%/tháng, nợ phân bón là 2.5%/tháng, hẹn cuối năm sẽ trả; khi vay hai bên không ghi giấy tờ gì. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng đã trả nợ cho nguyên đơn, nay chỉ còn nợ của nguyên đơn số tiền 2.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thì trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào năm 2013 hai bên có phát sinh quan hệ dân sự với nhau, cụ thể bị đơn vay tiền và nợ phân bón của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn chỉ thừa nhận số tiền đã vay và phân bón là 27.000.000 đồng, đồng thời trong nội dung đoạn ghi âm do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn cũng chỉ thừa nhận tổng số tiền đã nợ trong năm 2013 là 27.000.000 đồng. Như vậy, việc vay mượn tiền và nợ phân bón giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, số tiền vay và nợ phân bón là 27.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại là 1.300.000 đồng (28.300.000đ – 27.000.000đ) mà nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn không thừa nhận và nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N cho rằng bà đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 24.500.000 đồng, trong đó lần đầu bà đưa cho ông Phạm Tiến C 20.000.000 đồng, có bà Nguyễn Thị Kim CH chứng kiến; lần hai anh Nguyễn Phước D trực tiếp xuống nhà bà đòi nợ thì bà đã đưa 4.500.000 đồng, nay bà chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 2.500.000 đồng; thì thấy: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2020 và Biên bản đối chất ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ thì bà N xác định bà đã thanh toán hết nợ cho nguyên đơn vào cuối năm 2013 và bà chỉ trả trực tiếp một lần duy nhất tại đại lý nhưng sau khi Tòa án cấp sơ thẩm công bố bản ghi âm do nguyên đơn cung cấp thì bà lại xác định bà đã trả tiền cho nguyên đơn hai lần với tổng số tiền 24.500.000 đồng và nay còn nợ 2.500.000đồng; như vậy, lời khai của bà N là mâu thuẫn, không thống nhất với nhau. Mặt khác, bà cho rằng thời điểm bà trả nợ số tiền 20.000.000 đồng có bà CH chứng kiến tuy nhiên bà CH là quan hệ thông gia với bà

nên lời khai của bà CH là không đảm bảo khách quan; đồng thời việc trả nợ nêu trên bà không được nguyên đơn thừa nhận, bà cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ khác để chứng minh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà.

Đối với lãi suất thì nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trong quá trình vay nợ lãi suất tiền vay là 3%/tháng, nợ phân bón là 2.5%/tháng; tuy nhiên tại cấp sơ thẩm nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất là 1%/tháng; Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lãi suất 1%/tháng để giải quyết là phù hợp với quy định.

[2.2] Xét kháng cáo bổ sung của bị đơn về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy: Trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra Bản án, quyết định giải quyết vụ việc thì nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu về việc áp dụng thời hiệu; cho nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn tại cấp phúc thẩm là không có căn cứ để xem xét.

Vì các lẽ trên, kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Tiến C và bà Nguyễn Thị Kim Y.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Tiến C và bà Nguyễn Thị Kim Y tổng số tiền 51.300.000 đồng, trong đó nợ gốc là 27.000.000 đồng, nợ lãi là 24.300.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Tiến C và bà Nguyễn Thị Kim Y về việc buộc bà Nguyễn Thị N phải trả số nợ gốc là 1.300.000 đồng.

[3]. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ cho đến khi thi hành án xong.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4.1]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm Tiến C và bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông C, bà Y đã nộp là 1.302.000 đồng theo biên lai thu số 0009520 ngày 30/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Phạm Tiến C và bà Nguyễn Thị Kim Y số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.002.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.565.000 đồng.

[4.2]. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0018106 ngày 02/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân